

# Bối cảnh phát triển mới và những thách thức về môi trường ở Việt Nam

BÙI QUANG TUẤN\*  
HÀ HUY NGỌC\*\*

*Tóm tắt:* Sau hơn 30 năm Việt Nam Đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trong tăng trưởng kinh tế ngoạn mục với nền tảng là vốn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động trẻ, rẻ, dồi dào và nguồn hỗ trợ phát triển, đầu tư nước ngoài. Và hiện tại cũng có thể xem là thời điểm bản lề của một chu kỳ phát triển mới với những nền tảng mới cho tăng trưởng kinh tế: mở rộng hợp tác đầu tư, thương mại, liên kết nền kinh tế với khu vực và thế giới. Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU, các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới và hàng loạt các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương khác đang được xem là những điều kiện mới cho Việt Nam cất cánh. Việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu một mặt mang lại nhiều cơ hội phát triển cho đất nước, mặt khác lại có nguy cơ gia tăng mức độ tổn thương về xã hội - môi trường - an ninh phi truyền thống. Từ thực tế cho thấy dù chưa trở thành một nước công nghiệp nhưng vấn đề ô nhiễm môi trường đã rất nghiêm trọng, mỗi năm thiệt hại do ô nhiễm môi trường tương đương với 5% GDP. Bài viết này sẽ tập trung phân tích các tuyến vấn đề sau đây: i) bối cảnh phát triển mới; ii) những thách thức đối với vấn đề môi trường; iii) một số kiến nghị chính sách.

*Từ khóa:* Bối cảnh phát triển mới, hiệp định thương mại tự do, thách thức môi trường, Việt Nam.

## 1. Bối cảnh phát triển mới

### 1.1. Các FTA thế hệ mới

#### 1.1.1. Tổng quan về đàm phán và ký kết các FTA thế hệ mới

Trong giai đoạn 2001 - 2014, tỷ trọng thương mại so với quy mô nền kinh tế có xu hướng tăng, điều này phần nào phản ánh nền kinh tế nước ta đang ngày một mở cửa lớn hơn với bên ngoài. Tỷ trọng thương mại/GDP năm 2001 là 103% thì đến năm 2014 tăng lên 169%, độ mở của nền kinh tế nước ta cao hơn rất nhiều so với nhiều nước đang phát triển và phát triển trên thế giới. Tới nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, được

xem là một trong những nước có nền kinh tế hướng ngoại mạnh mẽ nhất ASEAN. Với những nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, Việt Nam đã rất thành công trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và hưởng lợi từ sự tăng trưởng xuất khẩu đáng kể từ FDI, đóng góp quan trọng vào GDP và kim ngạch xuất khẩu gần 70%<sup>2</sup>.

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO, đánh dấu một bước dài trên con đường hội nhập, từ hội nhập khu vực nâng lên mức độ toàn cầu. Bên cạnh đó, thời gian gần đây, Việt Nam cũng đã tham gia đàm phán, ký kết nhiều FTA với các vùng, khu vực khác trên thế giới, đặc biệt là các FTA thế hệ mới điển hình như:

- Hiệp định TPP, với 12 nước thành viên bao gồm Brunei, Canada, Chile, Mỹ, Malaysia, Mexico, Nhật Bản, New Zealand, Peru.

\* Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng

\*\*Viện Địa lý và nhân văn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2016), Báo cáo Kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2016.

Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (2016), Kinh tế Việt Nam trong trung hạn: Triển vọng và một số ảnh hưởng của yếu tố môi trường. Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc tế tháng, Hà Nội 11/2016.

<sup>2</sup> Phạm Sỹ An (2016): *Mối quan hệ giữa thương mại và tăng trưởng kinh tế và khung khổ chính sách thương mại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

Singapore, Australia và Việt Nam<sup>3</sup>.

- Hiệp định thương mại tự do FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu EU (EVFTA), bao gồm 28 quốc gia thành viên;

- Hiệp định Khôi phục dịch vụ tự do châu Âu (EFTA), gồm 4 nước Cộng hòa Iceland; Công quốc Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ;

- Hiệp định VCUFTA gồm Nga, Belarus, Kazakhstan, Armenia và Kyrgyzstan,

- Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

Trong 12 FTA đã ký kết, có thể chia làm hai loại FTA thế hệ cũ và FTA thế hệ mới, trong đó 8 FTA “thế hệ cũ” bao gồm FTA Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - Chile, Cộng đồng Kinh tế ASEAN - AEC, ASEAN - Australia - New Zealand, ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Nhật Bản. Các FTA thế hệ cũ mà Việt Nam đã ký kết phần lớn tập trung vào các nghĩa vụ truyền thống như việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan cũng như phi thuế quan nhằm tiến tới việc thành lập một khu vực mậu dịch tự do đối với hàng hóa và dịch vụ. Đối với các FTA này, nội dung liên quan đến các vấn đề môi trường mới chỉ được đề cập mang tính khái quát chung. FTA ASEAN có quy định về việc vận chuyển sản phẩm hàng hóa nguy hiểm đến môi trường hoặc hợp tác liên quan đến môi trường.

Khác với những FTA truyền thống mà Việt Nam đã tham gia, những FTA thế hệ mới có phạm vi cam kết rộng hơn, nội dung vượt ra ngoài cam kết về thương mại, dịch vụ và đầu tư. Các nội dung của các FTA này bao gồm cả các nghĩa vụ mang tính pháp lý cho cả các lĩnh vực khác liên quan như môi trường, lao động, doanh nghiệp nhà nước, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ... Các FTA này khi có hiệu lực sẽ tác động rất mạnh tới thể chế của các bên liên quan.

Nhìn chung, bên cạnh những nội dung mới được đưa vào trong các FTA như lao động, mua sắm chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, sở hữu trí tuệ,... nội dung môi trường hay phát triển bền vững là những nội dung không thể thiếu trong các

FTA thế hệ mới gần đây với các mức độ cam kết hay ràng buộc khác nhau.

### 1.1.2. Những cam kết liên quan đến môi trường trong FTA thế hệ mới

Môi trường là lĩnh vực hay nội dung có tính chất đa ngành, đa lĩnh vực. Đối với bốn FTA thế hệ mới đã được ký kết và đang đàm phán gần đây, bao gồm Hiệp định TPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định VCUFTA và Hiệp định EFTA, nội dung môi trường hay phát triển bền vững bao gồm nhiều lĩnh vực liên quan. Hai vấn đề này được đề cập trong 4 FTA thế hệ mới tương đối giống nhau, chỉ khác nhau ở mức độ chi tiết hay mức độ ràng buộc, cụ thể:

Trong Hiệp định EVFTA, các lĩnh vực liên quan đến “môi trường và phát triển bền vững” được đưa vào thành những cam kết cụ thể bao gồm:

- Hiệp định đa phương về môi trường;
- Đa dạng sinh học;
- Bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã;
- Biến đổi khí hậu;
- Lâm nghiệp và các sản phẩm lâm nghiệp;
- Tài nguyên biển và sản phẩm nuôi trồng thủy sản;
- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp;
- Nhân sinh thái.

Trong Hiệp định VCUFTA và Hiệp định EFTA các lĩnh vực liên quan đến môi trường được đưa vào thành những cam kết cụ thể bao gồm:

- Thực thi các cam kết quốc tế (MEAs) về môi trường; Quản lý và bảo vệ rừng (lâm nghiệp); Bảo tồn đa dạng sinh học; Biến đổi khí hậu (năng lượng sạch, công nghệ ít phát thải, năng lượng tái sinh).

Trong các FTA này, các nội dung liên quan đến môi trường, phát triển bền vững tập trung vào các vấn đề đang là chủ đề nóng và được nhiều quốc gia và quốc tế quan tâm hiện nay như bảo tồn; khai thác, vận chuyển và buôn bán trái phép động thực vật hoang dã xuyên biên giới; đa dạng sinh học; quản lý lâm nghiệp và thủy sản.

Về mức độ cam kết, các nội dung về môi trường hay phát triển bền vững được đưa vào các FTA ở các mức độ cam kết hay ràng buộc khác nhau. Mức độ cam kết hay ràng buộc về môi trường trong các FTA tùy thuộc vào sự quan tâm của nhóm (đôi khi là một nhóm nhỏ hoặc chỉ một

<sup>3</sup> Dù Tổng thống Mỹ Donald Trump đã tuyên bố Mỹ rút khỏi TPP, nhưng tương lai của Hiệp định TPP như thế nào vẫn còn ở phía trước.

nước), nước thành viên của hiệp định. Một số nội dung có mức độ cam kết hay ràng buộc cao hơn các nội dung khác. Hai hiệp định điển hình có mức độ ràng buộc cao là Hiệp định TPP và Hiệp định EVFTA. Đối với hai FTA này, các nội dung về bảo tồn, thủy sản và lâm nghiệp có sự quan tâm nhiều hơn và kèm theo đó là mức độ cam kết, ràng buộc của các nội dung này là rất cao. Ngoài ra, các FTA thế hệ mới cũng yêu cầu, đòi hỏi cao hơn so với các FTA truyền thống về sự minh bạch trong việc tuân thủ và thực hiện. Bên cạnh các nội dung có mức độ cam kết, ràng buộc cao, những nội dung khác còn lại đều có mức độ cam kết, ràng buộc ở mức trung bình hoặc thấp, một số ít chỉ mang tính chất khuyến nghị hoặc khuyến khích việc hợp tác giữa các bên. Những nội dung này bao gồm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, hàng hóa và dịch vụ môi trường.

Trong các FTA thế hệ mới có nội dung môi trường hay phát triển bền vững gần đây như Hiệp định EVFTA, Hiệp định VCUFTA và Hiệp định EFTA đều sử dụng các cơ chế tham vấn. Với các Hiệp định VCUFTA và EFTA, quy trình thủ tục giải quyết vấn đề phát sinh sử dụng cơ chế tham vấn được thiết lập đơn giản hơn so với Hiệp định EVFTA với mục tiêu tìm ra các giải pháp hợp tác và đồng thuận để giải quyết vấn đề.

Hiệp định EVFTA là FTA khu vực tiêu chuẩn và điển hình về mức độ cam kết cao, độ phủ rộng với nhiều lĩnh vực và nội dung mới, như sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ, lao động, môi trường... Nội dung môi trường (Chương Môi trường) trong Hiệp định TPP hay phát triển bền vững (Chương Phát triển bền vững) trong Hiệp định EVFTA bao gồm nhiều lĩnh vực liên quan.

**Bảng 1: Mức độ cam kết, ràng buộc các nội dung liên quan đến môi trường trong một số FTA thế hệ mới**

TT	Nội dung/nghĩa vụ	TPP	EVFTA	EFTA	VCUFTA
1	Hiệp định đa phương về môi trường	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
2	Đa dạng sinh học và sinh vật ngoại lai	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
3	Bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã	Thấp	Trung bình	Trung bình	Trung bình
4	Biến đổi khí hậu	Cao	-	-	-
5	Bảo vệ tầng ô-zôn	Cao	-	-	-
6	Bảo vệ (ngăn ngừa ô nhiễm) môi trường biển từ tàu biển	Cao	-	-	-
7	Đánh bắt hải sản	Cao	-	-	-
8	Hàng hoá và dịch vụ môi trường	Trung bình	Trung bình		
9	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Trung bình	-	-	-
10	Cơ chế tự nguyện bảo vệ môi trường	Trung bình	-	-	-
11	Nhân sinh thái	Trung bình	-	-	-
12	Quản lý và bảo vệ rừng, các sản phẩm từ rừng	Cao	Cao	-	-

*Nguồn: Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2016*

**1.2. Ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp lần thứ 4<sup>4</sup>**

Cuộc cách mạng công nghệ đang diễn ra, còn được nhiều chuyên gia gọi là “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, đã bắt đầu từ những năm 2000, đặc trưng bởi sự hợp nhất, không có ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật số và

sinh học. Đây là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật kết nối internet (IoT) và các hệ thống kết nối Internet (IoS).

Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư này đang làm thay đổi cách thức sản xuất, chế tạo. Trong các “nhà máy thông minh”, các máy móc được kết nối internet và liên kết với nhau qua một hệ thống có thể tự hình dung toàn bộ quy trình sản xuất rồi đưa ra quyết định sẽ thay thế dần các dây chuyền sản xuất trước đây. Nhờ khả năng kết nối của hàng tỷ người trên thế giới thông qua các thiết bị di

<sup>4</sup> Tổng hợp từ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2016): *Báo cáo nghiên cứu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Một số đặc trưng, tác động và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.*

động và khả năng tiếp cận được với cơ sở dữ liệu lớn, những tính năng xử lý thông tin sẽ được nhân lên bởi những đột phá công nghệ trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ người máy, internet kết nối vạn vật, xe tự lái, công nghệ in 3 chiều, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học vật liệu, lưu trữ năng lượng và tính toán lượng tử.

Tốc độ phát triển của những đột phá trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư này là không có tiền lệ trong lịch sử. Nếu như các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây diễn ra với tốc độ theo cấp số cộng (hay tuyến tính) thì tốc độ phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư này là theo cấp số nhân<sup>5</sup>. Thời gian từ khi các ý tưởng về công nghệ và đổi mới sáng tạo được phôi thai, hiện thực hóa các ý tưởng đó trong các phòng thí nghiệm và thương mại hóa ở quy mô lớn các sản phẩm và quy trình mới được tạo ra trên phạm vi toàn cầu được rút ngắn đáng kể. Những đột phá công nghệ diễn ra trong nhiều lĩnh vực như kể trên với tốc độ rất nhanh và tương tác thúc đẩy nhau đang tạo ra một thế giới được số hóa, tự động hóa và ngày càng trở nên hiệu quả và thông minh hơn.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có những tác động to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường ở tất cả các cấp – toàn cầu, khu vực và trong từng quốc gia. Các tác động này mang tính rất tích cực trong dài hạn, song cũng tạo ra nhiều thách thức điều chỉnh trong ngắn đến trung hạn. Đối với vấn đề quản lý môi trường, cuộc cách mạng sẽ tác động trên các khía cạnh sau:

i) Ảnh hưởng đến môi trường là tích cực trong ngắn hạn và hết sức tích cực trong trung và dài hạn nhờ các công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu và thân thiện với môi trường. Các công nghệ giám sát môi trường cũng đang phát triển nhanh, được hỗ trợ bởi internet, kết nối vạn vật, giúp thu thập và xử lý thông tin liên tục 24/7 theo thời gian thực hiện. Ví dụ, thông qua các phương tiện như máy bay không người lái được kết nối bởi internet, được trang bị các camera và các bộ phận cảm ứng có khả năng thu thập các thông tin số liệu cần thiết cho việc giám sát về xả thải trong sản xuất của các doanh nghiệp.

ii) Ngành năng lượng có thể tận dụng các thành tựu của cách mạng công nghiệp để xanh hoá năng

lượng, được hưởng lợi khá nhiều nhờ những đột phá trong công nghệ năng lượng tái tạo, trước hết là công nghệ ứng dụng năng lượng mặt trời cũng đã tiến bộ rất nhiều ở một số nước tiên tiến như Mỹ, Đức... với tiềm năng phổ biến nhanh trên toàn cầu nhờ giá sản xuất giảm đáng kể. Sức ép tái cơ cấu của ngành điện Việt Nam lại là: làm thế nào để nắm bắt cơ hội tốt nhất để giảm giá đầu vào chiến lược của nền kinh tế, đồng thời giảm thiểu mạnh tác động đến môi trường.

iii) Mặt khác, nếu tận dụng tốt những lợi thế của cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì việc ứng phó với biến đổi khí hậu cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ các yếu tố công nghệ. Các xu hướng “thông minh” càng ngày càng được áp dụng nhiều hơn như “nông nghiệp thông minh”, “đô thị thông minh”, “nhà thông minh”, “giao thông thông minh”... Các xu hướng này sẽ giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu và tạo ra các ngành và lĩnh vực mới, giúp thích ứng được với biến đổi khí hậu<sup>6</sup>.

### *1.3. Những diễn biến mới của thiên tai, biến đổi khí hậu*

Nhiều nghiên cứu và báo cáo toàn cầu đã đưa ra thông điệp rằng biến đổi khí hậu (BĐKH) là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ XXI và sẽ tác động nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội, an ninh môi trường thế giới. Việt Nam được xếp vào nhóm 10 quốc gia chịu tác động nặng nề nhất bởi BĐKH (Ngân hàng Thế giới, 2010). BĐKH sẽ tác động xấu đến tất cả các ngành, lĩnh vực và vùng miền ở Việt Nam trong đó điển hình là lĩnh vực nông nghiệp và các vùng đồng bằng, ven biển. Các vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ được dự báo sẽ chịu những rủi ro cao nhất do thiên tai và BĐKH. Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng 2015, nếu nước biển dâng cao 1m, khoảng 17,57% diện tích đồng bằng sông Hồng, 1,47% diện tích các tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hoá đến Bình Thuận, 17,84% diện tích Tp. Hồ Chí Minh và 4,79% diện tích tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nguy cơ bị ngập. Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có nguy cơ ngập cao nhất với 39,4% diện tích, trong đó tỉnh Kiên Giang có nguy

<sup>5</sup> World Economic Forum (2016): The Future of Jobs: Employment, Skills, and Workforce Strategy for the Fourth Industrial Revolution.

<sup>6</sup> Nguyễn Quang Tuấn và các tác giả (2017): Kinh tế thế giới và Việt Nam 2016 - 2017: Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển trong bối cảnh có nhiều thay đổi. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2017.

ơ ngập 75%<sup>7</sup>. Điều này sẽ tác động lớn đến sản xuất, việc làm của bộ phận lớn lao động nông thôn.

Thời gian cuối năm 2015 đến tháng 4/2016, các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long đã hứng chịu một thiên tai lịch sử là trận hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng nhất trong lịch sử. Nam Trung Bộ đã có gần 23.000 ha đất lúa phải dừng sản xuất do thiếu nước. Các tỉnh có diện tích thiệt hại lớn nhất là Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hoà. Thiếu nước và hạn hán ảnh hưởng lớn đến diện tích cây công nghiệp ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ với tổng tổng diện tích lần lượt là 15.823 ha và 28.000 ha. Đã có 13/13 tỉnh, thành tại đồng bằng sông Cửu Long bị hạn hán, xâm nhập mặn với hơn 17 triệu người dân đồng bằng sông Cửu Long đã chịu ảnh hưởng, khoảng 160.000 ha lúa bị thiệt hại và hơn 50% số đó đã mất trắng, sinh kế của người nông dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thiếu nước đã làm ảnh hưởng sinh hoạt cho khoảng 400.000 hộ (1,5 triệu nhân khẩu)<sup>8</sup>. Theo Thống kê thiệt hại của Vụ kinh tế Nông nghiệp – Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 5/2016 cho thấy, ước tính hạn hán, xâm nhập mặn đã làm thiệt hại khoảng 15.183 tỷ đồng. Cũng từ tháng 10 cho đến những ngày cuối năm 2016, 5 đợt lũ lịch sử liên tiếp đã xảy ra tại 9 tỉnh Nam Trung bộ và một số tỉnh Tây Nguyên (Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Kon Tum), với thiệt hại ước tính vào khoảng 39.000 tỷ đồng, gấp 3 lần mức thiệt hại bình quân của 5 năm qua.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2016), tổng thiệt hại do thiên tai, sự cố môi trường biển xảy ra ở 4 tỉnh miền Trung... đã làm cho lần đầu tiên trong lịch sử, tăng trưởng ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2016 âm 0,18%, tương đương thiệt hại 397.400 tỷ đồng. Mặt khác, Ngân hàng Thế giới cũng đưa ra nhận định tình hình hạn hán, xâm nhập mặn tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long được đánh giá là nghiêm trọng nhất và chưa từng có trong lịch sử. Hiện tượng này đã gây thiệt hại lớn đến tài sản của người dân và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế Việt Nam. Ngân hàng Thế giới cho rằng tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể bị giảm khoảng 3% do ảnh hưởng của BĐKH.

## 2. Những thách thức đặt ra đối với vấn đề môi trường trong bối cảnh phát triển mới

Các cam kết, nghĩa vụ về môi trường trong các FTA thế hệ mới là những nội dung mới đặt Việt Nam trước những nguy cơ, thách thức lớn, trong bối cảnh sự gia tăng ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam do sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế. Các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường cũng ngày càng gia tăng do hệ thống chính sách, pháp luật còn nhiều bất cập, nguồn nhân lực, vật lực cho công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ban ngành từ Trung ương đến địa phương còn nhiều chông chéo và thiếu hiệu quả. Việc thực thi các cam kết, nghĩa vụ môi trường quy định trong các FTA có mức ràng buộc cao, đòi hỏi Việt Nam cần có sự chuẩn bị kỹ càng về hệ thống thể chế, nhân lực và vật lực<sup>9</sup>.

### 2.1. Những áp lực đối với môi trường trong giai đoạn tới

Môi trường nước ta đang chịu nhiều áp lực lớn từ phát triển kinh tế - xã hội trong nước, theo dòng thương mại quốc tế và tác động xuyên biên giới. Hàng năm, có hơn 2.000 dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)<sup>10</sup>. Theo báo cáo của Vụ Quản lý các khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến tháng 8/2016 trên cả nước hiện có 316 khu công nghiệp được xây dựng tại 60/63 tỉnh thành phố, trong đó có 218/316 khu công nghiệp đi vào hoạt động với hơn 550.000 m<sup>3</sup> nước thải/ngày đêm; có 615 cụm công nghiệp nhưng trong đó chỉ khoảng hơn 5% có hệ thống xử lý nước thải tập trung; còn lại, hoặc các cơ sở sản xuất tự xử lý nước thải hoặc xả trực tiếp ra môi trường; hơn 500.000 cơ sở sản xuất trong đó có nhiều loại hình sản xuất ô nhiễm môi trường, công nghệ sản xuất lạc hậu; hơn 5.000 làng nghề; 13.500 cơ sở y tế hàng ngày phát sinh hơn 47 tấn chất thải nguy hại và 125.000 m<sup>3</sup> nước thải y tế. Có 787 đô thị với 3.000.000 m<sup>3</sup> nước thải ngày/đêm nhưng hầu hết chưa được xử lý; lưu hành gần 43 triệu mô tô và trên 2 triệu ô tô.

Hàng năm, trên cả nước sử dụng hơn 100.000 tấn hoá chất bảo vệ thực vật; phát sinh hơn 23 triệu tấn rác thải sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất

<sup>7</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016): *Kịch bản BĐKH cập nhật năm 2015*.

<sup>8</sup> Báo cáo của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, tháng 4/2016.

<sup>9</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016): *Báo cáo Đề án về các cơ chế phối hợp trong nước giải quyết những vấn đề môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do*.

<sup>10</sup> Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, 2016.

thải rắn công nghiệp, hơn 630.000 tấn chất thải nguy hại; hiện có 458 bãi chôn lấp rác thải, trong đó có 337 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh; có hơn 100 lò đốt rác sinh hoạt công suất nhỏ, có nguy cơ phát sinh khí dioxin, furan.

Mặt khác, các vấn đề môi trường xuyên biên giới, theo dòng chảy sông Mê Công, sông Hồng, các sông xuyên biên giới ngày càng phức tạp. Việc xây dựng các dự án thủy điện của một số quốc gia trên dòng chính sông Mê Công ảnh hưởng lớn đến vùng đồng bằng sông Cửu Long<sup>11</sup>. Hầu hết lượng chất thải sẽ được xả môi trường theo nhiều con đường khác nhau. Vì thế, nguy cơ xảy ra những sự cố, thảm họa, khủng hoảng môi trường trong hiện tại và tương lai hoàn toàn có thể xảy ra.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số lượng lớn cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn biến phức tạp. Đến nay, trên phạm vi cả nước vẫn còn 44/439 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg chưa hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng kéo dài; 268/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg đang triển khai xử lý ô nhiễm triệt để, trong đó có 136 cơ sở chậm tiến độ. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả nước thải, khí thải không đạt quy chuẩn cho phép ra môi trường, năm 2011 là 45,9%<sup>12</sup> và năm 2015 là 24,5%<sup>13</sup>. Nước thải sinh hoạt ở hầu hết các đô thị, khu dân cư chưa được xử lý; rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp chưa được quản lý tốt, gây ô nhiễm môi trường: Hiện chỉ có 40/787 đô thị trên cả nước có công trình xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn với tổng công suất xử lý khoảng 800.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý mới chỉ đạt 10% - 11%; còn lại thải trực tiếp ra môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) chưa được thu gom trung bình tại các đô thị từ 15% đến 16%, khu vực ngoại thành 40%, khu vực nông thôn 45% đến 60%, tại các vùng sâu, vùng xa 90% so với tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh. Khoảng 80% lượng thuốc bảo vệ thực vật đang được sử dụng không đúng quy định; hiệu suất sử dụng chỉ đạt 25

- 60%; công tác thu gom, lưu giữ và xử lý bao bì chưa được quan tâm, nhiều nơi thải bỏ ngay tại đồng ruộng gây phát sinh mùi, khí thải. Nhiều địa phương chưa có bãi chôn lấp chất thải công nghiệp; tình trạng đổ thải, chôn lấp chất thải công nghiệp trái quy định còn xảy ra ở nhiều nơi.

## 2.2. Những thách thức đối với môi trường

Do đó, bên cạnh những thách thức về kinh tế, việc gia tăng hội nhập thông qua các hiệp định thương mại tự do cũng tiềm ẩn những nguy cơ về môi trường trong trước mắt và lâu dài, như sau:

*Thứ nhất, thiếu cơ chế phối hợp trong giải quyết các vấn đề môi trường*

Sự phối kết hợp giữa các ngành, cơ quan ở cả trung ương và địa phương trong việc kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường chưa chặt chẽ và kịp thời và do vậy hiệu quả thấp, đặc biệt trong việc thanh tra, kiểm tra và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Đối với việc phối hợp và hợp tác giải quyết các vấn đề môi trường hiện nay, việc phối hợp vẫn còn nhiều hạn chế và tồn tại, cụ thể là sự thụ động và nhiều khi là sự né tránh trách nhiệm của một số cơ quan trong việc chủ trì hay phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh. Ví dụ điển hình gần đây nhất là việc phối hợp giải quyết hậu quả của sự cố môi trường diễn ra do xả thải của Công ty Formosa là minh chứng rõ ràng cho việc thiếu một cơ chế phối hợp và hợp tác hiệu quả giữa các cơ quan ở trung ương và giữa trung ương với địa phương. Những hạn chế và tồn tại này xuất phát từ việc chưa có một quy định nào trong đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan trong việc tham gia giải quyết các vấn đề môi trường mang tính liên ngành.

Do vậy, để có thể chuẩn bị tốt cho việc thực thi hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết và giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình thực hiện các FTA thế hệ mới vừa qua, một cơ chế phối hợp và hợp tác giữa các bộ, ngành mang tính pháp lý cần phải được thiết lập trước khi các hiệp định này có hiệu lực và đi vào thực thi. Cơ chế phối hợp và hợp tác này được xây dựng trên cơ sở phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc *đảm bảo thực thi hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ về môi trường*, đồng thời phân định rõ vai trò, trách nhiệm trong việc *giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế liên quan đến môi trường* phát sinh trong quá trình thực hiện các FTA.

<sup>11</sup> Trần Hồng Hà (2016): *Báo cáo tại hội nghị trực tuyến toàn quốc về bảo vệ môi trường*, Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 24 tháng 8.

<sup>12</sup> Bao gồm xả nước thải vượt quy chuẩn 36%, khí thải vượt 9,9%.

<sup>13</sup> Bao gồm xả nước thải vượt quy chuẩn 19%, khí thải vượt 5,5%.

*Thứ hai*, việc nhập khẩu hàng hoá, vật tư, công nghệ... nếu không được kiểm tra, giám sát chặt chẽ sẽ dẫn Việt Nam đến nguy cơ trở thành bãi chứa các thiết bị, dây chuyền lạc hậu, nơi tiêu thụ những hàng hoá kém chất lượng. Thực tế hiện nay cho thấy, tình trạng nhập khẩu các loại phế liệu sắt, thép, ắc quy, tàu cũ...<sup>14</sup> để làm nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất vẫn đang tồn tại những bất cập, thậm chí cả những bất đồng không nhỏ giữa các cơ quan có thẩm quyền, nhà chức trách với thương nhân, doanh nghiệp. Với việc mở rộng xuất nhập khẩu thông qua các FTA, gia tăng ô nhiễm môi trường xuyên quốc gia là một nguy cơ có thực nếu những thay đổi về chính sách, pháp luật và thực thi không theo kịp quá trình hội nhập.

*Thứ ba*, trong bối cảnh hội nhập kinh tế, tự do hoá thương mại, các công ty đa quốc gia sẽ tìm kiếm cơ hội cắt giảm chi phí cho môi trường thông qua xu hướng xuất khẩu ô nhiễm từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển dưới hình thức FDI. Vấn đề này đã từng được nhiều chuyên gia cảnh báo rằng sẽ ngày càng gia tăng và Việt Nam có nguy cơ trở thành một trong những nước có mức nhập khẩu ô nhiễm cao bởi các tiêu chuẩn về môi trường còn thấp<sup>15</sup>. Số liệu của Tổng cục Thống kê (2014) cho thấy có 67% doanh nghiệp FDI đầu tư vào cách ngành có giá trị gia tăng thấp, chủ yếu là công nghiệp khai thác, chế biến có hàm lượng tiêu thụ tài nguyên và năng lượng cao, gây ô nhiễm môi trường như (dệt may, thép, thực phẩm, khai khoáng...) và công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng chỉ đạt ở mức trung bình<sup>16</sup>. Một khi các địa phương vẫn chú trọng chạy

theo thành tích tăng trưởng, không vì mục tiêu phát triển bền vững, bị động với ý đồ của nhà đầu tư, phá vỡ quy hoạch ngành, quy hoạch vùng thì các dự án tận dụng và thậm chí tận diệt nguồn tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường sẽ còn tiếp tục xuất hiện. Với việc cấp phép cho các dự án đầu tư nước ngoài (FDI) đã được phân cấp mạnh về các tỉnh và không ít tỉnh đã chạy theo tốc độ tăng trưởng GDP cao và chấp nhận các dự án FDI khai thác tài nguyên giá rẻ, với công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, bị người dân phản ứng mạnh mẽ<sup>17</sup>.

*Thứ tư*, trong giai đoạn 2016 - 2020, xuất khẩu tiếp tục là định hướng để phát triển kinh tế của Việt Nam. Để gia tăng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu 12-14% năm, chúng ta phải khai thác triệt để mọi nguồn lực tự nhiên như các loại tài nguyên, đặc biệt là nguồn tài nguyên không tái tạo. Do vậy, nếu không chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu xuất khẩu sẽ dẫn đến việc khai thác quá mức, rừng bị tàn phá, tổn hại đến đa dạng sinh học, cảnh quan, môi trường tiếp tục ô nhiễm. Điều này tiềm ẩn nguy cơ mắc phải "lời nguyền tài nguyên", có thể khiến "căn bệnh Hà Lan" bùng phát và ảnh hưởng lớn đến phát triển bền vững trong tương lai.

*Thứ năm*, tự do hoá thương mại thúc đẩy sự phát triển nhiều loại hình dịch vụ, làm thay đổi cách thức tiêu dùng của dân cư. Quá trình này mang tính hai mặt, một mặt nó tạo ra những tiền đề để thay đổi nhận thức của người tiêu dùng trong việc bảo vệ môi trường, mặt khác nếu không quản lý và kiểm soát chặt chẽ sự phát triển của các loại

mức thấp và lạc hậu. Không ít trường hợp nhà đầu tư nước ngoài lợi dụng sơ hở của luật pháp, yếu kém trong quản lý nhà nước để nhập khẩu vào Việt Nam máy móc, thiết bị lạc hậu gây ô nhiễm môi trường, khai tăng giá trị nhập khẩu và giá trị chuyển giao công nghệ. Điều đáng nói là mặc dù tiềm ẩn nhiều tác động môi trường, các dự án vẫn được chấp nhận ở nhiều nơi, đặc biệt ở những địa phương chưa có nhiều ưu thế thu hút đầu tư.

<sup>17</sup> Theo số liệu điều tra công bố năm 2016 của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 80% khu công nghiệp vi phạm quy định về môi trường; 23% doanh nghiệp FDI xả thải vượt quy chuẩn cho phép từ 5-12 lần. Đặc biệt doanh nghiệp FDI chiếm 60% tổng số các doanh nghiệp xả thải vượt quy chuẩn. Vụ Công ty Vedan gây ô nhiễm nguồn nước sông Thị Vải, Công ty Tung Kuang xả thải ra môi trường, rồi Công ty TNHH Pangrim Neotex, Công ty Xi măng Chinfon (Hải Phòng) với hành vi tương tự không phải là những trường hợp cá biệt. Đặc biệt, Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh xả thải gây chết cá hàng loạt dọc các tỉnh ven biển miền Trung (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế).

<sup>14</sup>Theo báo cáo của Bộ Tài chính, hiện còn 5.411 container, tập trung chủ yếu tại: Hải Phòng (4.818 container), Thành phố Hồ Chí Minh (459 container), Bà Rịa - Vũng Tàu (83 container), Quảng Ninh (34 container), Đà Nẵng (6 container). Hàng tồn đọng tại các cảng biển, chủ yếu là hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, lớp cao su đã qua sử dụng (2.505 container, chiếm 46,29%), hàng tạp hóa, bách hóa khác (1.952 container, chiếm 36,07%).

<sup>15</sup> Mối quan hệ giữa FDI và môi trường là một chủ đề được nghiên cứu có hệ thống trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Chủ đề này có lý thuyết riêng, gọi là "Định đề thiên đường ô nhiễm" - Pollution Haven Hypothesis - PHH được phát triển từ thập niên 1980 bởi Nick, M and Richard, M, (1999), Foreign Direct Investment and the environment: From pollution havens to Sustainable development, A WWF-UK Report, Panda House, UK.

<sup>16</sup> Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015): có khoảng 80% doanh nghiệp FDI sử dụng công nghệ trung bình của thế giới, 5-6% sử dụng công nghệ cao, 14% ở

hình dịch vụ (như lưu thông hàng hoá - đặc biệt là các chất gây ô nhiễm như xăng dầu, hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, hệ thống chợ, hệ thống dịch vụ ăn uống, các điểm giết mổ, các cơ sở sản xuất và chế biến, túi nilon, hệ thống kho thương mại...) thì nguy cơ ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường nảy sinh là vấn đề cần tính đến. Bên cạnh đó, nạn buôn bán hàng giả, hàng nhái, buôn lậu... có nguy cơ gia tăng theo tốc độ hội nhập cũng góp phần hủy hoại môi trường.

*Thứ sáu*, trong khi đó để đáp ứng cho quá trình công nghiệp hoá - đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ thì nhu cầu điện năng sẽ tăng hai tới ba lần trong hai thập kỷ tới. Đây là một thách thức rất lớn đang đặt ra cho Việt Nam trong việc xây dựng một nguồn cung - cầu năng lượng bền vững<sup>18</sup>, do đó quy hoạch điện VII điều chỉnh cho thấy việc mở rộng công suất nhiệt điện than từ 10 GW lên 55 GW vào năm 2030<sup>19</sup>. Việc phát triển nhiệt điện than đã, đang và sẽ phải đối mặt với nhiều hệ lụy về: môi trường, biến đổi khí hậu, sinh kế, sức khoẻ con người và an ninh kinh tế, năng lượng từ việc phát triển các dự án nhiệt điện than, tính đến tháng 6/2016 có 21 nhà máy nhiệt điện đang vận hành, chủ yếu sử dụng công nghệ lạc hậu có xuất xứ từ Trung Quốc<sup>20</sup>. Đây cũng là vấn đề mang tính toàn cầu, trong khi ở các nước phát triển đang từng bước loại bỏ điện than ra khỏi hệ thống năng lượng quốc gia thì ở Việt Nam quy hoạch năng lượng số lượng nhà máy điện than và tỷ trọng điện than vẫn chiếm vai trò quan trọng<sup>21</sup>.

<sup>18</sup> Minh Hà Dương – Trương An Hà (2016): *Tác động môi trường và xã hội của than và nhà máy nhiệt điện than tại Việt Nam*, Nghiên cứu do Tổ chức Green ID và Clean ED hỗ trợ tài chính.

<sup>19</sup> Quyết định 428/QĐ-TTg, ngày 18-3-2016 về việc Phê duyệt Đề án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII Điều chỉnh).

<sup>20</sup> Global Coal Tracker (2016): *Global Database of Coal Power Plants and Projects*, <http://endcoal.org/tracker/>

<sup>21</sup> Năm 2016 cả nước có 21 nhà máy nhiệt điện than đang vận hành, thải ra tro xỉ, thạch cao gần 16 triệu tấn/năm. Theo quy hoạch đến năm 2030 sẽ có khoảng 64 nhà máy nhiệt điện đi vào vận hành với công suất tăng lên 75.000 MW, số lượng tro xỉ sẽ tăng lên gấp đôi. Với số lượng tro than này năm 2030 Việt Nam cần phải bỏ 28.000 ha đất cho bãi thải tro than. Mặc dù năm 2015, Chính phủ đã có chiến lược phát triển năng lượng tái tạo, song phải thừa nhận một thực tế là chi phí giá thành cao khiến cho nền Nhà nước khó hỗ trợ. Trong khi đó, dư địa cho phát triển thủy điện hầu như đã hết khi các nhà máy vừa và lớn đã

### 3. Một số khuyến nghị chính sách

Để hạn chế những tác động tiêu cực trong bối cảnh phát triển mới, theo đó hệ thống chính sách và cơ chế quản lý của nhà nước thời gian tới, Việt Nam cần phải tập trung hoàn thiện những nội dung sau:

*Thứ nhất*, rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện các thỏa thuận thương mại tự do thế hệ mới, trong đó, chú trọng xây dựng các tiêu chí sàng lọc, tiếp nhận các dự án đầu tư theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

*Thứ hai*, rà soát chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ, ngành liên quan đến công tác bảo vệ môi trường (BVMT), bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, nhất là trong công tác quy hoạch, quản lý chất thải, công nghệ môi trường.

*Thứ ba*, để hạn chế tác động tiêu cực về môi trường của khu vực FDI, ngay từ ban đầu Chính phủ cần có định hướng thu hút FDI dựa trên quan điểm BVMT. Trong đó, tập trung vào các vấn đề sau: i) Điều chỉnh các chính sách ưu đãi và rào cản đầu tư phù hợp với định hướng thu hút FDI theo hướng BVMT. Trong ngắn hạn, cần sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư theo hướng thu hút các dự án FDI "sạch" song vẫn không làm giảm tính cạnh tranh, hấp dẫn đầu tư so với các nước trong khu vực. Về dài hạn, cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) cần chủ trì xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi nhằm đảm bảo tính thống nhất và xuyên suốt với định hướng thu hút đầu tư trên quan điểm BVMT quốc gia; ii) Chính sách ưu đãi cần được nói rộng để thu hút đầu tư, song bên cạnh đó phải xây dựng hệ thống rào cản kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế để chọn lựa dự án đầu tư; iii) Chính sách ưu đãi được xây dựng trên nguyên tắc hậu kiểm có điều kiện và thời hạn thay vì nguyên tắc tiền kiểm như hiện nay đang áp dụng. Định hướng chính là ưu tiên các ngành, lĩnh vực mà đất nước cần trên cơ sở dự án phát triển xanh; iv) Xây dựng

được khai thác tới đa với 70 tỷ kWh điện/năm, chiếm 40% công suất toàn ngành điện. Tương tự, với nhiệt điện khí, mỏ khí Nam Côn Sơn, nguồn chính cung cấp cho 2 trung tâm Phú Mỹ và Nhơn Trạch, cũng sẽ cạn kiệt vào năm 2023. Trong vòng 15 năm tới nhiệt điện vẫn rất quan trọng, nếu không muốn nói là trọng yếu trong nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội.



tiêu chí đánh giá dự án trên nhiều mặt như lĩnh vực, địa bàn, đóng góp ngân sách, công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch...; v) Chính phủ cần phân cấp trong quản lý để phát huy tính chủ động của địa phương, các dự án có tầm lan tỏa và nguy cơ ô nhiễm cao cần được thống nhất quản lý từ Trung ương đến địa phương. Các cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ đúng quy hoạch đối với các dự án khi cấp giấy chứng nhận đầu tư. Đối với các dự án ngoài quy hoạch, các dự án có tác động mạnh đến môi trường sinh thái cần lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ sau đó trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

*Thứ tư*, Chính phủ yêu cầu các bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kiểm tra, rà soát hệ thống xử lý, quan trắc môi trường (nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...) các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, khu

công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, đặc biệt là những cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Nếu chủ thể sản xuất, kinh doanh nào chưa có hệ thống xử lý môi trường thì yêu cầu khẩn trương bổ sung, nếu không chấp hành thì buộc phải đóng cửa sản xuất, kinh doanh.

*Thứ năm*, sửa đổi Luật Chuyển giao công nghệ cho phù hợp với tình hình mới để thẩm định, kiểm tra, giám sát công nghệ trong các dự án đầu tư nhằm ngăn chặn công nghệ lạc hậu tác động xấu đến môi trường.

*Thứ sáu*, tăng cường vai trò thẩm định công nghệ đối với các dự án đầu tư, không những ở khâu lập dự án đầu tư mà cả trong quá trình triển khai thực hiện dự án (tập trung vào khâu hậu kiểm). Đặc biệt, đối với những dự án có công nghệ lạc hậu hay có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường sinh thái cao thì kiến nghị với Chính phủ xem xét trong việc cấp giấy chứng nhận đầu tư♦

#### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công Thương (2015): Trung tâm WTO.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016): Báo cáo Đề án về các cơ chế phối hợp trong nước giải quyết những vấn đề môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do.
3. Global Coal Tracker (2016): *Global Database of Coal Power Plants and Projects*. <http://endcoal.org/tracker/>.
4. Minh Hà Dương – Trương An Hà (2016): Tác động môi trường và xã hội của than và nhà máy nhiệt điện than tại Việt Nam. Nghiên cứu do Tổ chức Green ID và Clean ED hỗ trợ tài chính.
5. Nick, M and Richard. M. (1999): *Foreign Direct Investment and the environment: From pollution havens to Sustainable development*. A WWF-UK Report, Panda House, UK.
6. Phạm Sỹ An (2016): *Mối quan hệ giữa thương mại và tăng trưởng kinh tế và khung khổ chính sách thương mại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
7. Quyết định 428/QĐ-TTg, ngày 18/3/2016 về việc Phê duyệt Đề án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII Điều chỉnh).
8. Trần Hồng Hà (2016): Báo cáo tại hội nghị trực tuyến toàn quốc về bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 24 tháng 8.
9. Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (2016): Kinh tế Việt Nam trong trung hạn: Triển vọng và một số ảnh hưởng của yếu tố môi trường. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tháng, Hà Nội 11-2016
10. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2016): Báo cáo Kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2016.
11. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2016): Báo cáo nghiên cứu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Một số đặc trưng, tác động và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.
12. World Economic Forum (2016): *The Future of Jobs: Employment, Skills, and 11. Workforce Strategy for the Fourth Industrial Revolution*.